

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5400108279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 16/09/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04/07/2019)

Địa chỉ : Tổ 2 Phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Điện thoại : 0218.3885.912

Website: capthoatnuochoabinh.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

(Theo hướng dẫn tại Thông tư 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình
- Tên Tiếng Anh: Hoa Binh Clear Water Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5400108279
- Vốn điều lệ: **66.792.897.475** đồng (Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 66.792.897.475 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng)
- Địa chỉ: Tổ 2, Phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Số điện thoại: 0218.3885.912
- Website: capthoatnuochoabinh.vn
- Mã cổ phiếu: HBW
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Việt – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hòa Bình theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/03/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình. Ngày 01/06/2009, Tại Trung tâm GDCK Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), Công ty đã tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	Năm 1960	Nhà máy nước Hòa Bình được thành lập
2	Năm 1994	Nhà máy nước Hòa Bình đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Hòa Bình

3	Năm 2006	Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hoà Bình
4	Năm 2009	UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh nước sạch Hòa Bình thành Công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình
5	Ngày 18/07/2018	Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của CTCP Nước sạch Hòa Bình trên sàn UPCoM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công nghiệp, cấp thoát nước sinh hoạt đô thị và nông thôn
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, lập dự án, tư vấn giám sát, quản lý công trình cấp thoát nước
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải

- Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Hòa Bình
- Huyện Cao Phong
- Huyện Lạc Sơn - Yên Thủy
- Huyện Tân Lạc - Mai Châu
- Huyện Lương Sơn
- Thị trấn Bo - Thanh Hà - Lạc Thủy - Bãi Chạo

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 5 thành viên
- Ban Kiểm soát: 3 thành viên
- Tổng Giám đốc: 1 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - Phó Tổng giám đốc: 02 người
 - Các Ban chuyên môn nghiệp vụ: 05
 - Xí nghiệp cấp nước trực thuộc Công ty: 05
 - Đội Xây lắp.

4. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh: Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, về năng lực quản trị,... nhằm tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả kinh doanh hơn.

5. Các rủi ro

- Giá bán nước không được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.
- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.
- Việc sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí di chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.
- Tỷ lệ khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên tỷ lệ sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 theo quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

1.1. Thuận lợi

- Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình, tiền thân là Nhà máy nước Hòa Bình thành lập từ những năm 1960 được UBND tỉnh Hòa Bình giao nhiệm vụ quản lý, vận hành sản xuất và kinh doanh cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dùng nước của nhân dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Hòa Bình và các huyện lỵ trong tỉnh. Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và của tỉnh Hòa Bình nói riêng, cho đến nay, Công ty Cổ phần nước sạch Hòa Bình đã quản lý, vận hành sản xuất và kinh doanh cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dùng nước của toàn bộ tỉnh Hòa Bình bao gồm thành phố Hòa Bình và các huyện lỵ trong tỉnh với sản lượng trung bình năm khoảng 8.958.000 m³ và doanh thu nước sạch khoảng xấp xỉ 54 tỷ đồng (số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019).

- Với lợi thế là một địa phương có nhiều tiềm năng phát triển du lịch và dịch vụ nên hiện nay và tương lai gần, UBND tỉnh Hòa Bình khuyến khích chủ trọng đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cũng như phát triển các mô hình kinh doanh công nghiệp sạch, dẫn đến nhu cầu về nước sạch trong toàn tỉnh cũng tăng theo. Đó cũng là một trong những lợi thế để mở rộng và phát triển của Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình trong thời gian tới.

- Ngoài những thuận lợi từ điều kiện tự nhiên, trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình luôn giữ được mối quan hệ khăng khít với các cấp quản lý và chính quyền địa phương. UBND tỉnh Hòa Bình, UBND Thành phố Hòa Bình, các Sở Ban ngành của Tỉnh cũng như Chính quyền địa phương các cấp luôn ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình thi công xây dựng công trình cấp nước và đảm bảo cấp nước cho khách hàng.

- Thêm vào đó, với sự quan tâm chỉ đạo xuyên suốt của ban lãnh đạo Hội đồng quản trị của Công ty, Công ty Cổ phần nước sạch Hòa Bình luôn phát huy truyền thống tận dụng tối đa nội lực của mình để đổi mới và phát triển. Nguồn nội lực dồi dào của Công ty bao gồm:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trẻ, nhiệt tình trong công việc, sẵn sàng nhận và hoàn thành bất cứ nhiệm vụ được giao, bất kể ở cương vị nào khi được tổ chức phân công.

+ Mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến hiện đại. Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình đã áp dụng một số phần mềm, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong việc hệ thống quản lý và vận hành mạng lưới cấp nước như CityWork, Epanet...

- Nguồn nước cấp cho khách hàng sử dụng nguồn nước sạch Sông Đà có chất lượng nước sạch được khách hàng sử dụng đánh giá rất cao.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình cũng phải đối diện không ít với những điều kiện bất lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất và kinh doanh, cụ thể như sau:

- Hệ thống mạng lưới cấp nước được đầu tư đan xen qua nhiều thời kỳ, mạng lưới cấp nước có nhiều điểm xuống cấp nghiêm trọng gây tỷ lệ thất thoát lớn cần duy tu bảo dưỡng thường xuyên, dẫn đến nhu cầu chi phí cho công tác sửa chữa bảo dưỡng lớn và mất nhiều thời gian.

- Giá nước hiện nay Công ty đang áp dụng trong kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được UBND Tỉnh Hòa Bình phê duyệt từ năm 2013, do đó mặt bằng giá nước sạch bình quân thấp và không theo kịp sự phát triển chung của toàn ngành.

- Địa bàn cấp nước Công ty được giao phục vụ trải dài và rộng, tuy nhiên đa phần là địa bàn đồi núi, dân số bố trí dân trải, không tập trung, phần không nhỏ là đồng bào dân tộc miền núi nên trình độ nhận thức và thói quen sử dụng nước sạch không cao, vì

vậy trong quá trình sản xuất và kinh doanh, công ty luôn phải đối mặt với các rủi ro lớn về:

+ Xuất đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình cấp nước lớn.

+ Khi công trình đầu tư hoàn thành, tỷ lệ đầu nối vào hệ thống thấp và chậm.. đặc biệt có những nơi, người dân vẫn sử dụng thói quen dùng nước từ các nguồn tự nhiên không chấp nhận đầu nối vào hệ thống. Dẫn đến hiệu quả đầu tư công trình không cao, thời gian hoàn vốn cho công trình kéo dài.

1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 và kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng nước sạch	M ³	8.958.027	9.485.483
2	Doanh thu và thu nhập khác	Đồng	58.318.808.082	62.197.903.216
3	Nộp ngân sách	Đồng	9.861.900.499	7.000.000.000
4	Chế độ chính sách đối với người lao động	Đồng	4.319.871.080	
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.589.342.595	3.350.000.000
6	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/tháng	7.475.000	7.800.000

2. Tổ chức và nhân sự

Họ và tên	Chức vụ
1) Hội đồng quản trị (05 người)	
Ông Nguyễn Anh Việt	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Đức Thiện	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Minh Phương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT
2) Ban Tổng giám đốc (03 người)	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Tuấn	Phó Tổng giám đốc

Ông Đinh Đức Thiện	Phó Tổng giám đốc
3) Ban Kiểm soát (03 người)	
Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đào Thị Chi	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm (%)
1	Tổng tài sản	Đồng	328.288.592.100	368.994.362.964	12,40
	- Tài sản ngắn hạn	Đồng	58.021.497.023	75.620.108.460	30,33
	- Tài sản dài hạn	Đồng	270.267.095.077	293.374.254.504	8,55
2	Doanh thu thuần	Đồng	55.030.777.920	56.306.980.697	2,32
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Đồng	4.456.869.910	3.297.797.140	(26,01)
4	Lợi nhuận khác	Đồng	12.659.840	291.545.455	2202,92
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.469.529.750	3.589.342.595	(19,69)
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.549.985.768	3.129.629.812	(11,84)
7	Tỉ lệ chi trả cổ tức	%	5,2	4	(23,07)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài	Lần	10,52	2,36

	sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)			
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	9,29	2,16
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,50	4,05
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,78	0,80
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	6,81	6,37
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,15
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- ROA	%	1,08	0,90
	- ROE	%	4,87	4,29
	- ROS	%	6,45	5,56
	- Biên lợi nhuận gộp (Lợi nhuận gộp/ DT thuần)	%	18,74	24,18

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu *

Mã chứng khoán: HBW

Sàn giao dịch: UPCoM

Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.679.289 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc

Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty

TT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ thực góp (%)
I	Trong nước	104	6.679.289	100
1	Cổ đông tổ chức	3	5.877.189	88,00
2	Cổ đông cá nhân	101	802.100	12,00
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng			6.679.289	100

5.3. *Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty*

Tên cổ đông	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp (%)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình		Số 8, Đường An Dương Vương, Phường Phương Lâm, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	2.671.745	40%
Công ty Cổ phần VBIC Hoà Bình	0107436487	Số 25, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.340.444	35,04%
Công ty Cổ phần VBIC Sơn La	550052701	55, Tô Hiệu, Tổ 5, Phường Tô Hiệu, Thành Phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, P. Tô Hiệu, Sơn La	865.000	12,95%
Lê Thị Minh Phương	012159877	Biệt thự 6, vị Trí 22, KĐT Xala, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	735.000	11%

TỔNG CỘNG:	6.612.189	98,99%
-------------------	------------------	---------------

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tiêu thụ năng lượng

Tiền điện năm 2019: 5.455.939.500 VND.

Doanh nghiệp không có biến động lớn về sử dụng điện năng do hoạt động đều và ổn định. Các mức giá có thể tăng giảm theo giá điện tại thời điểm hiện hành.

6.2. Tiêu thụ nước:

Là công ty sản xuất nước nên công ty sử dụng trực tiếp sản phẩm này.

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm được phản ánh vào hoạt động chung nên không theo dõi số liệu riêng.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 189 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động là 7.475.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập, phát triển kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng; đào tạo thanh tra ngành nước; đào tạo kiểm định viên đồng hồ kiểu cơ khí, đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử theo ĐLVN 17:2017; tập huấn về Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, tập huấn nâng cao kỹ năng về Citywork, đào tạo công tác văn thư – lưu trữ, học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; tập huấn về văn bản pháp luật mới của Nhà nước.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm

và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Ưu điểm

- Năm 2019 các chỉ tiêu SXKD hoàn thành kế hoạch; chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện đạt 94,46% kế hoạch. Lý do: Năm 2019 Công ty phải trả thêm tiền mua nước thô của Công ty Thủy điện Hòa Bình là 1.856.663.930 đồng, do Công ty Thủy điện Hòa Bình tăng giá nước hồ. Đảm bảo 100% người lao động có việc làm; trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp;

- Công tác quản trị, điều hành được đổi mới đã nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Lao động được sắp xếp phù hợp, tinh gọn, qua đó năng suất lao động được nâng lên.

b. Hạn chế, nhược điểm

- Tiến độ thực hiện dự án Phát triển hệ thống cấp nước tại Hòa Bình chưa đạt tiến độ đề ra.

- Công tác chống thất thoát nước chưa đầu tư được các thiết bị đồng bộ, tiên tiến để hỗ trợ hiệu quả trong kiểm soát lưu lượng, áp lực; Công ty đang từng bước đầu tư phân vùng, tách mạng do đó còn khó khăn trong kiểm soát thất thoát và quản lý hệ thống đường ống.

- Sản lượng nước thương phẩm không tăng trưởng do:

- Mức sử dụng nước bình quân hàng tháng thấp do khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, giếng khơi.
- Suất đầu tư đường ống trực để mở mạng phát triển khách hàng mới cao so với thu nhập của người dân các vùng lân cận nên chưa đạt kế hoạch phát triển khách hàng mới

- Giá trị sản lượng xây lắp chưa đạt kế hoạch do tiến độ một phần do việc xin giấy phép thi công còn chậm dẫn đến không có mặt bằng thi công.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản của công ty đầu năm 2019: **328.288.592.100** đồng

- Đến thời điểm cuối năm 2019 là: **368.994.362.964** đồng

- Như vậy, tính đến thời điểm cuối năm thì tài sản của công ty đã tăng: **40.705.770.864** đồng, tương đương **12,4%**

- Hệ số sinh lời của tổng tài sản: **0,9%**. Hệ số sinh lời của tổng tài sản cho biết doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,009 đồng lợi nhuận sau thuế.

Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả tính đến thời điểm đầu năm 2019 là khoảng hơn 255 tỷ đồng và hầu như đều là nợ dài hạn. Đến cuối năm 2019, nợ phải trả của Công ty là hơn 295 tỷ đồng.

- Trong cơ cấu nợ của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là nợ dài hạn do nguồn vốn vay ODA. Trong cơ cấu nợ không xuất hiện các khoản nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục tăng cường thực hiện quản lý và cải tiến chất lượng theo chu trình PDCA (Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Hành động - Cải tiến) đối với các hoạt động trọng yếu của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Hòa Bình.
- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.
- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thoát nước lớn.
- Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhằm giữ vững thị phần cấp nước.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Nhất trí theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc tại Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ưu điểm: Đã điều hành duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch được ĐHĐCĐ điều chỉnh, đã có nhiều nỗ lực, giải pháp tích cực nhằm thực hiện kế hoạch sản lượng nước thương phẩm, giảm tỷ lệ thất thoát nước; bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp

- Hạn chế: một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch của ĐHĐCĐ đề ra (Giá trị sản lượng xây lắp, giải ngân Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Hòa Bình) do có nhiều yếu tố khách quan tác động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT.

- Tiếp tục củng cố công tác quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình tài chính kế toán để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và theo chuẩn thông lệ quốc tế. Giám sát việc luân chuyển vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân các dự án.

- Tiếp tục cơ cấu lại tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, cải tiến quy chế khoán đối với các đơn vị nhằm tăng sự tự chủ đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị.

- Tăng cường công tác quản trị nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng. Tiếp tục hoàn thiện khung đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, người lao động, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh hằng tháng.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp dây chuyền sản xuất để kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không đảm bảo chất lượng cấp nước... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đầu tư theo thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn tài chính của Công ty để đảm bảo cân đối tài chính.



- Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; đầu tư hoặc hợp tác đầu tư trong lĩnh vực sản xuất – dịch vụ cấp nước trong và ngoài địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý..

V. Quản trị công ty

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị, Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Việt	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Đinh Đức Thiện	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc công ty
4	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà Lê Thị Minh Phương	Thành viên HĐQT không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Ngày không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Anh Việt	Chủ tịch	19/06/2019		14/14	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch	19/06/2019		14/14	100%	
3	Ông Đinh Đức Thiện	Thành viên	21/06/2017		14/14	100%	
4	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	21/06/2017		14/14	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Ngày không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
5	Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên	25/09/2014	19/06/2019	4/4	100%	
6	Bà Lê Thị Minh Phương	Thành viên	19/06/2019		11/11	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Công ty không có các tiểu ban trực thuộc HĐQT

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Huy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lê Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Đào Thị Chi	Thành viên Ban kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành công ty.
- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo đúng chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Lương
Ông Nguyễn Anh Việt	Chủ tịch HĐQT	336.872.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch HĐQT	347.179.300
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	66.240.000
Bà Lê Thị Minh Phương	Thành viên HĐQT	35.328.000
Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám đốc	282.442.100
Ông Đinh Đức Thiện	Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT	262.554.700
Ông Diệp Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	191.314.700
Ông Lê Đức Tuấn	Phó Tổng giám đốc	161.585.000
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	201.870.900
Ông Hoàng Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	21.168.000
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên Ban Kiểm soát	124.320.700
Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng Ban Kiểm soát	35.328.000
Ông Lê Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	95.623.600
Bà Đào Thị Chi	Thành viên Ban Kiểm soát	24.192.000
Tổng cộng:		2.186.019.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty, đặc biệt là Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

- Xét trên các khía cạnh trọng yếu, BCTC kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Đã được Công bố thông tin trên trang chủ của Công ty theo đường dẫn:
<http://capthoatnuochoabinh.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Anh Việt

